VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TƯ PHÁP - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

BỘ TƯ PHÁP - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2018/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2018*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc phối hợp trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

Căn cứ Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định việc phối hợp thực hiện một số vấn đề về trình tự, thủ tục trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với cơ quan tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Chương II
THỦ TỤC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN

Điều 3. Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án

1. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là người phải thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc trả lương cho người lao động.

Thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án.

2. Trường hợp Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ việc phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án nhưng sau đó Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Phá sản thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định tạm đình chỉ thi hành án và ra quyết định tiếp tục thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 3 Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Trường hợp Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Phá sản nhưng sau đó Tòa án ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Phá sản và đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 Luật Phá sản thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án và ra quyết định tiếp tục thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 137 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 4. Thi hành án trong trường hợp doanh nghiệp hợp tác xã phá sản là người được thi hành án

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản là người được thi hành án theo các bản án, quyết định đã có hiệu lực khác thì cơ quan thi hành án dân sự vẫn tiếp tục tổ chức thi hành theo quy định. Chấp hành viên đồng thời thông báo kết quả thi hành án cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để biết và Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản để có phương án phân chia tài sản thu được.

Điều 5. Chuyển giao, ra quyết định thi hành án, thẩm quyền của Chấp hành viên trong việc thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

1. Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản được chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực pháp luật.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên.

3. Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phần nghĩa vụ dân sự liên quan đến tài sản, buộc thực hiện công việc nhất định hoặc không được thực hiện công việc nhất định trong quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, cưỡng chế thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà Thẩm phán đã chỉ định tổ chức thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Điều 6. Giải thích quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

Trường hợp quyết định của Tòa án giải quyết phá sản có điểm chưa rõ, khó thi hành, không xác định được nội dung cụ thể thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị

Tòa án đã ra quyết định giải quyết phá sản xem xét, giải thích theo quy định tại khoản 2 Điều 179 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 7. Phí chuyển tiền

Phí chuyển tiền khi Quản tài viên, Chấp hành viên, Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản do Tòa án hoặc cơ quan thi hành án dân sự mở tại ngân hàng được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản tại thời điểm thực hiện việc chuyển tiền.

Điều 8. Ủy thác thi hành án

Khi thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc ủy thác theo quy định tại các Điều 55, 56 và 57 Luật Thi hành án dân sự và Điều 16 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp ủy thác toàn bộ quyết định thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản cho duy nhất 01 cơ quan thi hành án dân sự thì cơ quan nhận ủy thác mở một tài khoản đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và thực hiện việc phân chia theo phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố phá sản. Trường hợp cơ quan ủy thác thi hành án đã mở tài khoản thì sau khi có thông báo nhận ủy thác, số tiền trong tài khoản (nếu có) được chuyển đến tài khoản mới của cơ quan nhận ủy thác để xử lý theo quy định; tài khoản mà cơ quan ủy thác đã mở được hủy bỏ.

Trường hợp ủy thác một phần quyết định của Tòa án giải quyết phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành vụ việc theo quy định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền, tài sản, cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác phải chuyển số tiền thu được vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác và thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác biết để thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố phá sản. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác hoàn thành sau khi kết thúc việc thi hành án đối với nội dung được ủy thác và chuyển tiền cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác.

Điều 9. Định giá và định giá lại tài sản

1. Việc định giá và định giá lại tài sản trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế thu hồi nợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện

theo quy định tại khoản 2 Điều 73, Điều 98, 99 Luật Thi hành án dân sự, các Điều 17, 25 và 26 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

2. Việc định giá và định giá lại tài sản trong trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 122 và Điều 123 Luật Phá sản.

a) Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lựa chọn, ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản thanh lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu thanh lý tài sản của Chấp hành viên. Trường hợp không ký được hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản thanh lý thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thể lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản thanh lý;

b) Trường hợp không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên quyết định việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá;

c) Trường hợp Chấp hành viên vẫn không ký được hợp đồng thẩm định giá thì yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực của tài sản trước khi xác định giá của tài sản thanh lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện tham khảo ý kiến. Việc tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan phải lập thành văn bản hoặc biên bản có chữ ký của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn đó. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn không có ý kiến bằng văn bản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có ý kiến để Quản tài viên xác định giá tài sản kê biên;

d) Đối với tài sản thanh lý có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực của tài sản trước khi xác định giá của tài sản thanh lý. Việc tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan phải lập thành văn bản hoặc biên bản có chữ ký của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn đó.

3. Chấp hành viên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Phá sản ra quyết định về việc định giá lại tài sản đối với trường hợp thanh lý tài sản. Chi phí định giá lại tài sản thanh lý được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Trường hợp việc định giá lại tài sản do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phá sản, pháp luật về định giá tài sản dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản thì Chấp hành viên tham khảo ý kiến của Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan chuyên môn khác và có văn bản chỉ rõ lỗi của Quản tài viên, chi phí định giá lại tài sản do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chịu và được trừ vào chi phí Quản tài viên.

Điều 10. Bán tài sản

1. Việc bán tài sản trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế thu hồi nợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Thi hành án dân sự, Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

2. Việc bán tài sản trong trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Phá sản.

a) Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không lựa chọn được tổ chức bán đấu giá tài sản thì có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên quyết định việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức bán đấu giá tài sản về việc tài sản đưa ra bán đấu giá lần đầu nhưng không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc hết thời hạn thông báo bán tài sản nhưng không

có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo bằng văn bản đề nghị Chấp hành viên ra quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Chấp hành viên thực hiện việc giảm giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và có văn bản yêu cầu Quản tài viên tiếp tục tổ chức bán đấu giá tài sản.

Điều 11. Chấp hành viên giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Chấp hành viên có trách nhiệm giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong việc thực hiện thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 121 Luật Phá sản.

Chấp hành viên giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông qua việc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý báo cáo Chấp hành viên.

2. Nội dung giám sát của Chấp hành viên như sau:

a) Trước khi lựa chọn, thay đổi tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra thẩm định giá, bán đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá; lý do lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá. Nếu thay đổi tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá thì báo cáo phải nêu rõ lý do thay đổi;

b) Trường hợp không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo ngay Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra thẩm định giá, bán đấu giá; quá trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá; lý do không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá.

Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn thì ngay sau khi nhận được các ý kiến tham khảo, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo ngay Chấp hành viên kết quả. Nội dung báo cáo nêu rõ ý kiến của các cơ quan

chuyên môn và nêu rõ mức giá mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản lựa chọn;

c) Trước khi xác định giá của tài sản thanh lý, trong trường hợp tài sản thanh lý có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra xác định giá; lý do cần xác định giá; ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn về giá của tài sản thanh lý;

d) Ngay sau khi bán đấu giá tài sản không thành, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra bán đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá; quá trình bán đấu giá tài sản; lý do bán đấu giá tài sản không thành;

đ) Trước khi bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản bán không qua thủ tục đấu giá, căn cứ để không đưa ra bán đấu giá;

e) Kết quả bán tài sản

Ngay sau khi bán được tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên kết quả thanh lý tài sản. Đối với những tài sản thanh lý mà không bán được hết trong một lần thì khi bán được phần tài sản nào, Quản tài viên báo cáo Chấp hành viên về phần đó.

Báo cáo kết quả thanh lý tài sản có các nội dung chủ yếu sau: Ngày, tháng, năm; tên của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản; văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản; tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; hình thức bán tài sản; tài sản đã bán được, số tiền bán được; tài sản chưa bán được;

g) Xử lý tiền, tài sản sau khi bán tài sản

Ngay sau khi thu được tiền bán tài sản thanh lý, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải có văn bản báo cáo Chấp hành viên và chuyển tiền vào tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự do Chấp hành viên đã mở. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan thi hành án dân sự nhận được tiền, Chấp hành viên phải thực hiện việc thanh toán tiền cho các đương sự.

Thủ tục thanh toán, xử lý tiền đương sự chưa nhận thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp Chấp hành viên phát hiện Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không khách quan trong quá trình thanh lý tài sản thì Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện đúng quy định hoặc có văn bản đề xuất Tòa án thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Phá sản.

Trường hợp hành vi vi phạm quy định về pháp luật về phá sản, pháp luật về định giá tài sản dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 12. Xử lý đối với tài sản thanh lý đã tổ chức bán trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp hợp tác xã phá sản

Trường hợp Thẩm phán quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Phá sản nhưng không bán được sau đó Thẩm phán mới ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành thì Chấp hành viên yêu cầu Quản tài viên tổ chức định giá tài sản theo quy định tại Điều 122, 123 Luật Phá sản và bán đấu giá tài sản theo quy định.

Điều 13. Giao tài sản, giấy tờ cho người mua được tài sản thanh lý

1. Sau 30 ngày kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không giao được tài sản, giấy tờ cho người trúng đấu giá thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị và bàn giao toàn bộ giấy tờ cho cơ quan thi hành án dân sự để thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản, giấy tờ.

2. Trong thời hạn không quá 30 ngày, trường hợp khó khăn phức tạp thì không quá 60 ngày kể từ ngày nhận bàn giao từ Quản tài viên, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản, giấy tờ cho người mua được tài sản thanh lý

theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc cưỡng chế giao tài sản, giấy tờ.

Điều 14. Phân chia tài sản sau khi bán đấu giá tài sản thanh lý

Chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 120 Luật Phá sản năm 2014. Trường hợp giá trị tài sản thanh lý không đủ để thanh toán do không bán được hết tài sản hoặc tài sản giảm giá trị thì sau khi trừ đi các khoản chi phí theo quy định, các đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ tương ứng.

Điều 15. Bàn giao tài sản mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không bán được

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 121 của Luật Phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo bằng văn bản với Chấp hành viên về chấm dứt thanh lý tài sản, kèm theo danh sách các tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã chưa thanh lý được và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã cho Chấp hành viên để xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên thực hiện việc định giá, bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 16. Phí thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

Người được thi hành án trong quyết định của Tòa án giải quyết phá sản phải nộp phí thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 60 Luật Thi hành án dân sự và Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.

Đối với khoản tiền, tài sản chi trả cho người được thi hành án do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thu được từ việc bán tài sản thanh lý thì cơ quan thi hành án dân sự không thu phí thi hành án.

Điều 17. Đình chỉ và kết thúc thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

Việc đình chỉ, kết thúc thi hành quyết định tuyên bố phá sản đối với phần thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Việc đình chỉ, kết thúc thi hành quyết định tuyên bố phá sản đối với các nghĩa vụ khác được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Điều 18. Gửi văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản

Văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản phải được gửi cho Tòa án, Viện kiểm sát, người tham gia thủ tục phá sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản.

Điều 19. Giải quyết khiếu nại việc thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

1. Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Quản tài viên có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

2. Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Quản tài viên.

Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Quản tài viên thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 22 và điểm c khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp Tổ quản lý, thanh lý tài sản được thành lập theo Luật Phá sản năm 2004 chưa bị giải thể thì Chấp hành viên đề nghị Tòa án có thẩm quyền tiến hành chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 131 Luật Phá sản năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP. Trường hợp Tòa án không chỉ định Quản tài viên thì Chấp hành viên tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Phá sản năm 2014

Đối với các việc thi hành án đã thi hành một phần hoặc chưa thi hành xong trước khi Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành nhưng đã thực hiện các thủ

tục về thi hành án theo đúng quy định của Luật Thi hành án dân sự, Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành thì kết quả thi hành án được công nhận; các thủ tục thi hành án tiếp theo được tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì các cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp kịp thời báo cáo về Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có biện pháp giải quyết./.

KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO PHÓ CHÁNH ÁN	**KT. VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO PHÓ VIỆN TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Trí Tuệ	**Trần Công Phàn**	**Trần Tiến Dũng**